

Số: 162 /2024/QĐST-HNGĐ

Mỏ Cày Nam, ngày 18 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 287/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung, nợ chung” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp An Thạnh, xã Bình K, huyện M, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: ấp An Lộc, xã An T, huyện M, tỉnh B

Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp An Thạnh, xã Bình K, huyện M, tỉnh B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Trọng L - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch M.

- Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Trần Quốc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Trần Quốc T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mộng N trực tiếp nuôi cháu Trần Nguyễn Hoàng L sinh ngày 18/11/2014. Anh Trần Quốc T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm con không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung sau này một hoặc hai bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

2.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Trần Quốc T đều khai không có.

2.4. Về nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Trần Quốc T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo Giấy đến nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 03/4/2023.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mộng N tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0002141 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam (Chị N đã nộp đủ án phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b)
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b)
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b)
- UBND xã Bình Khánh (1b)
- Các đương sự (3b)
- Lưu hồ sơ, VP (3b)

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở

